

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 – 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	7 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2010	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2010	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010	14 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba Công ty gồm: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Yên, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – DakLak và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quy Nhơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung chính thức đi vào hoạt động và kế thừa toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ của ba Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Yên, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – DakLak và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quy Nhơn kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung đã được Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000233 ngày 26 tháng 9 năm 2008 và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 5 năm 2009, thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 12 năm 2009.

Vốn điều lệ : 298.466.480.000 VND

Trụ sở đăng ký hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Phú Tài – TP. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Điện thoại : (84.56) 6292 399 – 6292 569
Fax : (84.56) 6254 167 – 6254 168
Website : saigonmientrungsabeco.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại DakLak – Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak	Km 7, đường Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên – Nhà máy Bia Sài Gòn – Phú Yên	265 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh, sản xuất các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát, thiết bị phụ tùng, nguyên vật liệu ngành công nghiệp thực phẩm; Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc, thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm; Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, kinh doanh bất động sản, kho bãi, cho thuê văn phòng. Kinh doanh, khai thác và chế biến khoáng sản titan, nông lâm thổ sản, xăng dầu. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch. *(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định)*

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

- Ngày 8 tháng 9 năm 2010 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là SMB.
- Trong năm Công ty cho ra mắt sản phẩm mới là Bia Serepok được sản xuất tại Chi nhánh DakLak và Bia Lowen nâu tại Chi nhánh Phú Yên
- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của bia chai giảm từ 75% xuống còn 45% làm doanh thu thuần sản phẩm bia chai các loại tăng. Do đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 37).

Trong năm, Công ty đã thông báo chi trả cổ tức năm trước và tạm ứng cổ tức năm nay tương ứng 29.846.648.000 VND. Cổ tức đã được chi trả tại ngày cuối năm là 28.223.826.214 VND. Phần còn lại sẽ được tiếp tục chi trả khi nhận được đầy đủ thông tin từ cổ đông.

Sau ngày kết thúc năm tài chính Hội đồng quản trị đã thông báo chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 với tỷ lệ 10,82% tương đương 1.082 VND/cổ phiếu. Cổ tức trên chưa được ghi nhận trong Báo cáo tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Chủ tịch	20 tháng 09 năm 2008	-
Ông Huỳnh Văn Dũng	Thành viên	20 tháng 09 năm 2008	-
Ông Nguyễn Ngọc Triêm	Thành viên	20 tháng 09 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên	20 tháng 09 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Phước	Thành viên	20 tháng 09 năm 2008	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Toàn	Trưởng ban	20 tháng 09 năm 2008	-
Bà Lê Thị Ngọc Ánh	Thành viên	20 tháng 09 năm 2008	-
Ông Nguyễn Nhật Thăng	Thành viên	20 tháng 09 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Triêm	Tổng Giám đốc	25 tháng 09 năm 2008	-
Ông Võ Ngọc Anh	Giám đốc kinh doanh	10 tháng 10 năm 2008	-
Ông Huỳnh Văn Dũng	Giám đốc Chi nhánh Đaklak	10 tháng 10 năm 2008	-
Ông Hoàng Thanh Việt	Giám đốc Chi nhánh Phú Yên	10 tháng 10 năm 2008	-
Ông Dương Đình Hòa	Kế toán trưởng	10 tháng 10 năm 2008	-

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Triêm

Tổng Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 26 tháng 3 năm 2011

Số:/...../ BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2011 từ trang 7 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Trong năm trước Công ty đã nghiệm thu đưa vào hoạt động các dự án nhưng chưa có báo cáo quyết toán giá trị đầu tư đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt như:

- Dự án nâng công suất lên 50 triệu lít bia/năm tại Văn phòng Công ty (giai đoạn 2 của dự án) đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2009 với giá trị tạm tính là 281.763.862.060 đồng;
- Dự án “Đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế nhà máy bia lên 70 triệu lít/năm” với giá trị 437.451.691.735 đồng;

Chúng tôi không thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản cũng như giá trị quyết toán vốn đầu tư của các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành vì không thuộc phạm vi của kiểm toán Báo cáo tài chính. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của các dự án nêu trên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn về phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù

hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
Chi nhánh Nha Trang

Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0192/KTV

Phan Thị Ngọc Trâm – Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0979/KTV

Nha Trang, ngày 26 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,168,145,218,668
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	440,127,156,072
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	728,018,062,596
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	491,973,836,491
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		236,044,226,105
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,520,993,844
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	77,352,597,845
Trong đó: chi phí lãi vay	23		73,245,255,243
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11,613,010,128
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	31,380,285,285
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		120,219,326,691
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5,839,045,180
12. Chi phí khác	32	VI.8	2,682,777,845
13. Lợi nhuận khác	40		3,156,267,335
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		123,375,594,026
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	17,110,201,289
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		106,265,392,737
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3,560

Quy Nhơn, ngày 26 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Dương Đình Hòa

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Triêm

Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

<u>Năm trước</u>
890,443,217,243
377,118,239,406
513,324,977,837
425,779,817,501
87,545,160,336
14,995,973,483
40,472,207,369
36,863,058,165
6,256,001,146
27,634,047,491
28,178,877,813
4,206,780,067
1,346,862,632
2,859,917,435
31,038,795,248
6,395,697,084
(87,625,177)
<u>24,730,723,341</u>
<u>829</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh, sản xuất các loại bia, rượu, cồn, thiết bị phụ tùng, nguyên vật liệu ngành công nghiệp thực phẩm.
- 4. Những sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty**
 - Ngày 8 tháng 9 năm 2010 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là SMB.
 - Trong năm Công ty cho ra mắt sản phẩm mới là Bia Serepok được sản xuất tại Chi nhánh DakLak và Bia Lowen nâu tại Chi nhánh Phú Yên.
 - Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của bia chai giảm từ 75% xuống còn 45% làm doanh thu thuần sản phẩm bia chai các loại tăng. Do đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) .

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán đầy đủ. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
- Máy móc thiết bị	05 – 12
- Phương tiện vận tải	06 – 10
- Thiết bị văn phòng	03 – 06
- Phần mềm phục vụ quản lý	05 – 08

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong thời gian được cấp quyền sử dụng đất.

Phần mềm phục vụ quản lý

Phần mềm phục vụ quản lý là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Số năm khấu hao được trình bày tại thuyết minh số V.5

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí thuê đất:

Chi phí thuê đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí công cụ dụng cụ:

Bao gồm chi phí trước hoạt động, chi phí vỏ chai bia, két bia, thiết bị bia hơi, ballet đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

<u>Loại công cụ</u>	<u>Số năm</u>
- Vỏ, két chai	8
- Thiết bị bia hơi	6
- Pallet, bàn, ghế, máy lạnh...	3
- Đồ dùng thí nghiệm	01 – 03

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí khác:

Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi đồng USD tại các thời điểm: Ngày 31/12/2009: 17.941 VND/USD
Ngày 31/12/2010: 18.932 VND/USD

Tỷ giá sử dụng để qui đổi đồng EUR: quy đổi theo tỷ giá chéo với đồng USD tại các Ngân hàng mà Văn phòng Công ty và các Chi nhánh giao dịch.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	153.814.942	116.069.546
Tiền gửi ngân hàng	27.495.925.264	24.567.909.640
Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	43.000.000.000
Cộng	<u>50.649.740.206</u>	<u>67.683.979.186</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch vụ Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	25.234.386.507	12.043.565.600
- Khoản phải thu tại Văn phòng Công ty	7.634.721.600	6.122.989.400
- Khoản phải thu tại Chi nhánh Phú Yên	2.032.245.787	-
- Khoản phải thu tại Chi nhánh DakLak	15.567.419.120	5.920.576.200
Các khách hàng khác	2.946.285.867	1.520.783.725
Cộng	<u>28.180.672.374</u>	<u>13.564.349.325</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản	3.123.200.644	9.022.383.223
Trả trước cho hoạt động kinh doanh	3.580.004.221	1.189.623.466
Cộng	<u>6.703.204.865</u>	<u>10.212.006.689</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp Tỉnh Phú Yên	39.143.065	-
Sở Tài Chính Bình Định	222.864.000	222.864.000
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai khấu trừ	-	539.247.304
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn - số dự thu	386.718.055	263.650.000
Các khoản phải thu khác	2.069.970.919	300.639.380
Cộng	<u>2.718.696.039</u>	<u>1.326.400.684</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	40.165.905	5.760.402.840
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	61.104.794.555	37.801.441.407
Công cụ, dụng cụ tồn kho	4.184.903.599	139.100.393
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.076.832.179	24.169.002.769
Thành phẩm tồn kho	14.475.350.328	16.554.827.117
Hàng gửi đi bán	100.523.514	-
Cộng	<u>94.982.570.080</u>	<u>84.424.774.526</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đồ dùng dụng cụ	18.931.757	92.769.653
Chi phí bảo hiểm tài sản	219.747.087	200.835.163
Các chi phí khác	248.136.290	634.604.414
Cộng	486.815.134	928.209.230

7. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Chi nhánh Phú Yên	15.726.725	23.678.724
Tại Chi nhánh DakLak	-	5.397.964.135
Cộng	15.726.725	5.421.642.859

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

Các khoản thuế, phí, lệ phí nộp thừa tại Chi nhánh DakLak. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	7.603.333	7.603.333
Thuế xuất, nhập khẩu	2.184.257	2.184.257
Phí và lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	118.003.541
Cộng	9.787.590	127.791.131

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	96.459.585	50.114.465
Tạm ứng	445.026.476	345.276.264
Cộng	541.486.061	395.390.729

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình trong năm được trình bày tại Phụ lục 1 – trang 36.

Tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho các khoản vay được trình bày tại thuyết minh số V.26.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất có thời hạn</u>	<u>Chi phí thuê đất dài hạn</u>	<u>Phần mềm quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá	-	-	-	-
Số đầu năm	1.638.084.600	2.188.822.140	197.256.962	4.024.163.702
Phân loại lại	-	(2.188.822.140)	-	(2.188.822.140)
Giảm khác	(73.210.300)	-	-	(73.210.300)
Số cuối năm	1.564.874.300	-	197.256.962	1.762.131.262

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chi phí thuê đất dài hạn	Phần mềm quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	58.257.512	657.287.736	119.094.214	834.639.462
Phân loại lại	-	(657.287.736)	-	(657.287.736)
Khấu hao trong năm	31.075.003	-	10.526.064	41.601.067
Số cuối năm	89.332.515	-	129.620.278	218.952.793
Số đầu năm	1.579.827.088	1.531.534.404	78.162.748	3.189.524.240
Số cuối năm	1.475.541.785	-	67.636.684	1.543.178.469

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Kết chuyển tài sản cố định	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	9.677.240	8.613.976.668	(3.793.251.878)	-	4.830.402.030
Xây dựng cơ bản dở dang	6.655.665.280	15.468.436.223	(10.468.495.811)	(149.194.953)	11.506.410.739
- Dự án nâng công suất lên 50 triệu lít bia/năm tại Văn phòng Công ty	5.049.072.626	-	-	-	5.049.072.626
- Hạ tầng tường rào khu xử lý nước thải	8.016.364	1.770.157.272	-	-	1.778.173.636
- Dự án kho chứa bia và bãi vỏ két (*)	1.434.316.149	-	-	-	1.434.316.149
- Dự án xử lý ô nhiễm môi trường	25.053.635	6.352.879.496	(6.325.616.562)	-	52.316.569
- Dự án xử lý nước cấp 40 m ³ /h	-	3.024.966.000	-	-	3.024.966.000
- Các công trình khác	139.206.506	4.320.433.455	(4.142.879.249)	(149.194.953)	167.565.759
Cộng	6.665.342.520	24.082.412.891	(14.261.747.689)	(149.194.953)	16.336.812.769

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In và Thương mại Phú Yên (sở hữu 97.586 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ)

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Không Gian Ngầm (*)		2.308.500.000		2.308.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.000	2.100.000.000	30.000	2.100.000.000
Quỹ Đầu tư Sabeco 1	7.000	7.140.000.000	7.000	7.140.000.000
Cộng		11.548.500.000		11.548.500.000

(*) Tạm ứng 50% tiền mua cổ phiếu theo Hợp đồng mua bán 380.000 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	720.000.000	1.110.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	(390.000.000)
Cộng	<u>720.000.000</u>	<u>720.000.000</u>

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ chi phí trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Bao bì luân chuyển	54.544.812.039	10.509.577.684	(8.363.859.724)	(2.215.428.440)	54.475.101.559
Công cụ dụng cụ	3.263.432.176	1.015.587.191	(1.152.239.597)	(8.977.273)	3.117.802.497
Chi phí thuê đất	-	1.531.534.404	(218.882.220)	-	1.312.652.184
Vườn cây	161.994.528	-	(57.155.335)	-	104.839.193
Chi phí trước hoạt động	151.131.522	-	(151.131.522)	-	-
Các chi phí khác	3.107.189.272	867.546.304	(1.745.970.418)	-	2.228.765.158
Cộng	<u>61.228.559.537</u>	<u>13.924.245.583</u>	<u>(11.689.238.816)</u>	<u>(2.224.405.713)</u>	<u>61.239.160.591</u>

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	32.507.200.000	69.142.342.196
Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tại Bình Định	-	25.862.217.728
Chi nhánh Ngân hàng Ngoại Thương tại Quy Nhơn	-	16.804.624.468
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	32.507.200.000	26.475.500.000
Chi nhánh DakLak	83.442.624.000	74.042.049.305
Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tại DakLak (a)	1.880.000.000	24.316.987.305
Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam tại DakLak (b)	10.000.000.000	-
Vay người lao động Chi nhánh DakLak	-	1.155.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	71.562.624.000	48.570.062.000
Cộng	<u>115.949.824.000</u>	<u>143.184.391.501</u>

- (a) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số DL.DN.02100209 ngày 10/02/2009 và phụ lục hợp đồng số DL.DN.02100209/PK.01 ngày 24/03/2009 hạn mức 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, lãi suất tiền vay áp dụng tại ngày 31/12/2010 là 15,5%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo
- (b) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 10.28.0071/HĐTD ngày 22/11/2010 để bổ sung vốn lưu động, hạn mức vay là 40.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân tối đa là 03 tháng, lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau + biên độ (4,5%), lãi suất vay tại ngày 31/12/2010 là 14,5%. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về khoản vay trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay người lao động	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	66.983.829.501	1.155.000.000	75.045.562.000	143.184.391.501
Số tiền vay trong năm	65.248.204.750	-	-	65.248.204.750
Số kết chuyển	-	-	103.063.907.711	103.063.907.711
Số tiền vay đã trả	(120.352.034.251)	(1.155.000.000)	(74.724.395.711)	(196.231.429.962)
Đánh giá lại	-	-	684.750.000	684.750.000
Số cuối năm	11.880.000.000	-	104.069.824.000	115.949.824.000

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản	18.371.304.854	1.557.372.560
Phải trả cho hoạt động kinh doanh	29.851.676.473	35.607.881.735
Cộng	48.222.981.327	37.165.254.295

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	688.670.781	1.353.992.936
Tại Chi nhánh Phú Yên	33.290.400	-
Tại Chi nhánh DakLak	138.127.000	-
Cộng	860.088.181	1.353.992.936

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.319.836.817	67.938.703.214	(67.962.855.907)	2.295.684.124
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	16.075.391	375.944.380	(399.623.104)	(7.603.333)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.586.953.484	440.433.388.451	(453.550.489.670)	30.469.852.265
Thuế nhập khẩu	4.712.455	125.352.174	(132.248.886)	(2.184.257)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.897.585.907	17.110.201.289	(19.142.941.817)	3.864.845.379
Thuế thu nhập cá nhân	6.563.081	719.722.235	(617.158.785)	109.126.531
Thuế tài nguyên	12.948.509	171.645.446	(173.823.386)	10.770.569
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.431.699.310	(1.431.699.310)	-
Các loại thuế khác	-	71.118.262	(5.000.000)	66.118.262
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(118.003.541)	118.003.541	-	-
Cộng	51.726.672.103	528.495.778.302	(543.415.840.865)	36.806.609.540

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước tại Văn phòng và từng Chi nhánh tại ngày cuối năm như sau:

	Văn phòng Công ty	Chi nhánh Phú Yên	Chi nhánh DakLak	Cộng
Thuế GTGT hàng bán nội địa	766.944.195	-	1.528.739.929	2.295.684.124
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	(7.603.333)	(7.603.333)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.141.342.439	4.279.769.647	17.048.740.179	30.469.852.265
Thuế nhập khẩu	-	-	(2.184.257)	(2.184.257)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.864.845.379	-	-	3.864.845.379
Thuế thu nhập cá nhân	79.175.837	23.710.917	6.239.777	109.126.531
Thuế tài nguyên	10.770.569	-	-	10.770.569
Các khoản phải nộp khác	66.118.262	-	-	66.118.262
Cộng	13.929.196.681	4.303.480.564	18.573.932.295	36.806.609.540

Thuế nộp thừa tại Văn phòng và từng Chi nhánh được trình bày tại chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước (xem thuyết minh số 8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Bia thành phẩm; nguyên vật liệu, bao bì luân chuyển	10%
Bã hèm, tài sản cố định thanh lý, khí CO ₂	5%

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của bia là 45%, giá tính thuế của các sản phẩm như sau:

Bia chai Lowen	74.000 VND/két 20 chai
Bia chai Quy Nhơn	36.414 VND/két 20 chai
Bia chai Sài Gòn 355 ml (*)	30.048 VND/két 20 chai
Bia hơi	3.448 VND/lít

(*): Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định theo hợp đồng mua bán giữa Công ty với Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch vụ Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty kế thừa các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi hợp nhất và hưởng các ưu đãi thuế mới phát sinh trong năm như sau:

- Tại Văn phòng Công ty:

Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm từ dự án “Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị nâng công suất sản xuất bia chai từ 20 triệu lít/năm lên 50 triệu lít/năm của Nhà máy Bia Sài Gòn – Quy Nhơn”.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty bắt đầu hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này từ năm 2009. Năm 2010 là năm đầu tiên Văn phòng Công ty hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ thu nhập tăng thêm của dự án này.

- **Tại Chi nhánh DakLak:**

▪ Theo Điều 2 Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 60/GP-UBND ngày 25/11/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Lắk cấp: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.

Năm 2010 là năm thứ **ba** Chi nhánh DakLak hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ thu nhập tăng thêm của dự án này.

▪ Miễn 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo của phần thu nhập tăng thêm đối với dự án nâng công suất Nhà máy lên 70 triệu lít bia/năm theo quy định tại điểm 6 – Phần I – Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2010 là năm đầu tiên Chi nhánh DakLak hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ thu nhập tăng thêm của dự án này.

- **Tại Chi nhánh Phú Yên:**

Theo quy định tại khoản 1 điều 36 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty Nhà Nước thành Công ty Cổ phần và tại khoản 2 điều 46 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Yên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm cuối cùng Chi nhánh Phú Yên hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.375.594.026	31.038.795.248
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	714.540.242	1.063.129.530
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	774.540.242	3.622.815.921
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<u>60.000.000</u>	<u>2.559.686.391</u>
Thu nhập chịu thuế	124.090.134.268	32.101.924.778
Thu nhập được miễn thuế	-	5.884.777.465
Thu nhập tính thuế	124.090.134.268	26.217.147.313
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	31.022.533.567	6.554.286.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	<u>(12.256.632.598)</u>	<u>(158.589.744)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	18.765.900.969	6.395.697.084
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>(1.655.699.680)</u>	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>17.110.201.289</u>	<u>6.395.697.084</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)***Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	2.627.354.098	1.866.639.863
Tại Chi nhánh Phú Yên	1.920.364.871	971.856.244
Tại Chi nhánh DakLak	<u>3.227.591.709</u>	<u>1.796.868.787</u>
Cộng	<u>7.775.310.678</u>	<u>4.635.364.894</u>

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí đầu tư dự án nâng công suất lên 70 triệu lít bia/năm tại Chi nhánh DakLak (tạm tính)	1.273.171.724	15.455.517.926
Trích trước chi phí đầu tư các dự án khác	1.103.002.562	3.268.767.335
Chi phí lãi vay phải trả	3.161.921.020	2.382.234.993
Chi phí phải trả khác	<u>2.895.838.530</u>	<u>1.002.126.488</u>
Cộng	<u>8.433.933.836</u>	<u>22.108.646.742</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	221.623.260	138.145.989
Kinh phí công đoàn	237.741.653	67.914.957
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	30.897.658	21.174.355
Khách hàng ký quỹ	307.012.321	526.068.618
Ngân sách cấp hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng dự án 50 triệu lít	2.882.104.000	2.882.104.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Phú Yên	1.300.721.199	-
Cổ tức	1.622.821.786	-
Văn phòng Tỉnh Ủy Bình Định - Kinh phí Đảng	944.107.033	944.107.033
Các khoản phải trả khác	<u>2.115.218.730</u>	<u>1.603.030.457</u>
Cộng	<u>9.662.247.640</u>	<u>6.182.545.409</u>

24. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(93.339.870)	7.600.000	(85.739.870)
Trích quỹ trong năm	2.698.112.547	682.056.273	3.380.168.820
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh DakLak thưởng	600.000	-	600.000
Thu lại tiền thưởng năm 2009	3.193.900	-	3.193.900
Chi quỹ trong năm	<u>(1.543.452.233)</u>	<u>(770.947.000)</u>	<u>(2.314.399.233)</u>
Số cuối năm	<u>1.065.114.344</u>	<u>(81.290.727)</u>	<u>983.823.617</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Phải trả dài hạn khác

Khách hàng ký cược mượn dụng cụ bán bia hơi

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	147.135.174.902	161.708.329.091
Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại Quy Nhơn - Vietcombank (a)	65.840.000.000	64.864.659.405
Chi nhánh Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn tại Bình Định – Agribank (b)	52.647.985.736	60.656.714.520
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại Phú Tài – BIDV (c)	28.200.000.000	35.800.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại Bình Định –Vietinbank	447.189.166	386.955.166
Chi nhánh DakLak	349.246.589.000	414.542.463.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - ACB (d)	341.779.589.000	404.275.463.000
Quỹ Đầu Tư Phát Triển DakLak (e)	7.467.000.000	10.267.000.000
Cộng	496.381.763.902	576.250.792.091

(a) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay để đầu tư xây lắp và mua sắm thiết bị cho Dự án đầu tư chiều sâu nâng công suất sản xuất bia chai lên 20 triệu lít/năm và dự án nâng công suất sản xuất bia chai lên 50 triệu lít/năm với hạn mức vay là 28.500.000.000 VND. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên (18/12/2007). Thời gian ân hạn là 10 tháng kể từ ngày 18/12/2007 đến 18/10/2008, thời hạn trả nợ trong thời gian 62 tháng bắt đầu từ ngày 19/10/2008 đến ngày 18/12/2014. Lãi suất được áp dụng theo hình thức thả nổi theo thông báo lãi suất của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại Quy Nhơn từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng bình quân trong năm 2010 là 13%/năm.

Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng 17.240 m² đất tại thửa đất số 435 - Khu công nghiệp Phú Tài – TP. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định và tài sản gắn liền với đất của Dự án đầu tư chiều sâu nâng công suất sản xuất bia chai lên 20 triệu lít/năm được hình thành trong tương lai.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 355/NHNT-QN ngày 28/04/2009 để thanh toán một phần chi phí hợp pháp, hợp lý và hợp lệ để đầu tư dự án (giai đoạn 2) nâng công suất sản xuất bia chai từ 20 triệu lít/bia năm lên 50 triệu lít/năm. Hạn mức cho vay là 68.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 114 tháng. Lãi suất áp dụng bình quân trong năm 2010 là 13%/năm.

Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất bia được hình thành từ vốn vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn và một số hạng mục công trình gắn liền với đất thuộc phần xây dựng cơ bản được hình thành từ vốn tự có theo tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty.

- (b) Khoản vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phục vụ cho dự án nâng công suất sản xuất bia chai từ 20 triệu lít/năm lên 50 triệu lít/năm. Khoản vay được nhận nợ vay bằng đồng USD. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu tiên (03/12/2007). Lãi suất vay bằng đồng USD bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn tại Bình Định cộng 3,5%/năm, lãi suất vay tại ngày 31/12/2009 là 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản vay này được bảo đảm bằng thế chấp tài sản của Công ty là Nhà sản xuất, nhà làm việc, kho thành phẩm, kho gạo, gắn liền với quyền sử dụng đất trị giá 4.653.458.238 VND, máy móc thiết bị trị giá 16.542.440.208 VND và tài sản sẽ hình thành từ vốn vay có giá trị 3.211.619,41 EUR.

- (c) Khoản vay để xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị nâng công suất sản xuất bia chai từ 20 triệu lít/năm lên 50 triệu lít/năm với tổng số tiền được vay tối đa là 63.800.000.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên (26/10/2007). Lãi suất được áp dụng theo hình thức thả nổi được điều chỉnh định kỳ hàng tháng theo chính sách lãi suất do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất áp dụng tại thời điểm ngày 31/12/2010 là 14%/năm.

Khoản vay này được bảo đảm bằng cách thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty và tài sản được hình thành bằng vốn vay và vốn tự có tham gia dự án “Đầu tư xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị nâng công suất sản xuất bia chai từ 20 triệu lít/năm lên 50 triệu lít/năm” theo hợp đồng bảo đảm tiền vay và các hình thức bảo đảm khác.

- (d) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số DL.CN.03260309 ngày 27/03/2009 để tái tài trợ dự án Nhà máy bia DakLak công suất 25 triệu lít/năm, thời hạn vay 72 tháng.
- Hợp đồng số DL.DN.01040509 và Phụ lục đồng tín dụng số DL.DN.01040509/PK.01 ngày 04/05/2009, hạn mức vay là 366.300.000.000 VND để đầu tư xây dựng dự án sản xuất bia chai giai đoạn 2 (70 triệu lít) thời hạn 96 tháng.
- Hợp đồng số DL-DN.05230909/65905679 ngày 24/09/2009, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh trả góp sản xuất các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát... thời hạn 92 tháng.

Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp các tài sản là máy móc thiết bị của Công ty được định giá là 375.884.000.000 VND, quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 465479 do UBND Tỉnh DakLak cấp ngày 04/4/2006 tại Km7, đường Nguyễn Chí Thanh – Phường Tân An – Tp Buôn Ma Thuột – Tỉnh DakLak và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với tổng giá trị là 157.503.776.471 VND.

- (e) Khoản vay để mua sắm thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải thuộc dự án đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế nhà máy bia lên 70 triệu lít/năm. Thời hạn vay 6 năm. Lãi suất cho vay trong năm là 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số kết chuyển	Đánh giá lại	Số cuối năm
Văn phòng Công ty	161.708.329.091	13.993.408.306	(31.917.033.711)	3.350.471.216	147.135.174.902
Vietcombank	64.864.659.405	13.665.174.306	(12.689.833.711)	-	65.840.000.000
Agribank	60.656.714.520	-	(11.359.200.000)	3.350.471.216	52.647.985.736
BIDV	35.800.000.000	-	(7.600.000.000)	-	28.200.000.000
Vietinbank	386.955.166	328.234.000	(268.000.000)	-	447.189.166
Chi nhánh DakLak	414.542.463.000	5.851.000.000	(71.146.874.000)	-	349.246.589.000
ACB	404.275.463.000	5.851.000.000	(68.346.874.000)	-	341.779.589.000
Quỹ Đầu Tư Phát Triển	10.267.000.000	-	(2.800.000.000)	-	7.467.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số kết chuyển	Đánh giá lại	Số cuối năm
DakLak					
Cộng	576.250.792.091	19.844.408.306	(103.063.907.711)	3.350.471.216	496.381.763.902

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	536.919.024	378.205.169
Trích quỹ dự phòng trong năm	408.349.710	293.004.230
Chi trợ cấp thôi việc cho người lao động	(65.972.150)	(134.290.375)
Số cuối năm	879.296.584	536.919.024

28. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục 2 – trang 37

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	92.499.160.000	30,99	92.499.160.000	30,99
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	322.270.000	0,11	322.270.000	0,11
Ông Nguyễn Đức Hào	225.300.000	0,08	225.300.000	0,08
Các cổ đông khác	205.419.750.000	68,83	205.419.750.000	68,83
Cộng	298.466.480.000	100	298.466.480.000	100

Trong năm, Công ty đã thông báo chi trả cổ tức năm trước và tạm ứng cổ tức năm nay tương ứng 29.846.648.000 VND. Cổ tức đã được chi trả tại ngày cuối năm là 28.223.826.214 VND. Phần còn lại sẽ được tiếp tục chi trả khi nhận được đầy đủ thông tin từ cổ đông.

Sau ngày kết thúc năm tài chính Hội đồng quản trị đã thông báo chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 với tỷ lệ 10,82% tương đương 1.082 VND/cổ phiếu.

Cổ tức trên chưa được ghi nhận trong Báo cáo tài chính.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.846.648	29.846.648
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29.846.648	29.846.648
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.846.648	29.846.648

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Vốn khác của chủ sở hữu

Khoản chênh lệch sau khi quy đổi cổ phiếu của ba Công ty trước khi hợp nhất sang cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ dự phòng tài chính

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

29. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị bao bì luân chuyển nhận giữ hộ Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	15.719.600	15.719.600
Giá trị tài sản nhận giữ hộ của Công ty Cổ phần Năng lượng Điện hơi Công nghiệp Việt Nam	3.123.464.000	-
Cộng	<u>3.139.183.600</u>	<u>15.719.600</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	1.168.145.218.668	890.443.217.243
- Bia chai các loại, bia hơi	1.160.783.683.275	884.066.134.235
- Doanh thu khác	7.361.535.393	6.377.083.008
Các khoản giảm trừ	440.127.156.072	377.118.239.406
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	440.125.756.072	377.117.502.496
- Các khoản giảm trừ khác	1.400.000	736.910
Doanh thu thuần	<u>728.018.062.596</u>	<u>513.324.977.837</u>
Trong đó		
- Bia chai các loại, bia hơi	719.523.492.577	506.948.631.739
- Doanh thu khác	7.361.535.393	6.376.346.098

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bia chai các loại, bia hơi	488.608.912.951	420.913.602.569
Giá vốn khác	3.364.923.540	4.866.214.932
Cộng	<u>491.973.836.491</u>	<u>425.779.817.501</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	39.273.902	13.320.510.508
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.535.344.037	831.603.626
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	861.375.908	504.701.240
Cổ tức	60.000.000	114.751.902

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu khác	24.999.997	224.406.207
Cộng	<u>4.520.993.844</u>	<u>14.995.973.483</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	73.245.255.243	36.863.058.165
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.104.964.167	3.999.149.204
Chi phí khác	2.378.435	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(390.000.000)
Cộng	<u>77.352.597.845</u>	<u>40.472.207.369</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	2.462.066.700	1.640.930.045
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	884.160.423	1.458.568.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.816.560	158.390.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.080.707.296	1.437.462.254
Chi phí khác	5.070.259.149	1.560.649.849
Cộng	<u>11.613.010.128</u>	<u>6.256.001.146</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	14.789.265.393	11.310.097.772
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	928.088.431	1.067.395.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.085.183.051	2.219.876.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.115.742.392	4.241.547.581
Chi phí khác	8.462.006.018	8.795.129.611
Cộng	<u>31.380.285.285</u>	<u>27.634.047.491</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán bã hèm, phế liệu, vật tư, bao bì luân chuyển	3.315.336.953	2.268.741.737
Các khoản thu nhập khác	2.523.708.227	1.938.038.330
Cộng	<u>5.839.045.180</u>	<u>4.206.780.067</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại bao bì, vật tư nhượng bán	339.137.360	451.311.977
Lãi tiền phạt chậm nộp, thuế phải nộp bổ sung theo	101.322.353	1.317.011.825

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Quyết định của Cơ quan thuế		
Điều chỉnh chi phí khấu hao theo Biên bản kiểm tra thuế tại Chi nhánh DakLak	-	(1.275.774.989)
Các khoản chi phí khác	<u>2.242.318.132</u>	<u>854.313.819</u>
Cộng	<u>2.682.777.845</u>	<u>1.346.862.632</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	253.728.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(341.353.428)
Cộng	<u>-</u>	<u>(87.625.177)</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	106.265.392.737	24.730.723.341
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>106.265.392.737</u>	<u>24.730.723.341</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>29.846.648</u>	<u>29.846.648</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.560</u>	<u>829</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	322.789.634.363	335.447.726.637
Chi phí nhân công	45.180.739.725	32.133.666.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.457.586.641	59.317.516.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.599.321.633	21.789.988.665
Chi phí khác	<u>26.638.656.235</u>	<u>24.275.350.082</u>
Cộng	<u>528.665.938.597</u>	<u>472.964.248.987</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ phải	18.371.304.854	1.557.372.560

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
trả nhà cung cấp		
- Văn phòng	5.765.392.165	
- Chi nhánh Phú Yên	934.173.677	-
- Chi nhánh DakLak	11.671.739.012	1.557.372.560
Trích trước chi phí đầu tư tài sản dài hạn	3.359.071.463	18.724.285.261

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

1.a *Giao dịch với các Thành viên quản lý chủ chốt*

Các Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên quản lý chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm nay là 660.000.000 VND, năm trước là 660.000.000 VND.
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương và các khoản phụ cấp theo quyết định của Hội đồng Quản trị và quy chế lương của Công ty, thu nhập từ tiền lương trong năm nay khoảng 2.000.000.000 VND, trong năm trước khoảng 2.000.000.000 VND

1.b *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Bia Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (Tổng Công ty SABECO)	Cổ đông sở hữu 30,99% vốn điều lệ của Công ty.
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch vụ Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn (SATRACO)	Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, là nhà phân phối sản phẩm bia Sài Gòn theo chỉ định của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn.
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco	Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn.
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn.
Công ty Cổ phần In và Thương Mại Phú Yên	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 20% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sabeco		
- Công ty mua nguyên vật liệu, bao bì luân chuyển	209.556.282.790	197.843.622.590
<i>Văn phòng Công ty</i>	67.877.379.383	71.020.852.191
<i>Chi nhánh Phú Yên</i>	31.129.256.619	33.148.310.010
<i>Chi nhánh DakLak</i>	110.549.646.788	93.674.460.389
- Chi phí lãi vay (tại Chi nhánh DakLak)	-	2.866.072.738
- Công ty nhận cổ tức cổ phiếu Sabeco	60.000.000	36.000.000
- Công ty chi trả cổ tức năm 2009 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010	9.249.916.000	-
Công ty SATRACO		
- Công ty bán bia Sài Gòn	1.029.487.852.365	820.237.270.230
<i>Văn phòng Công ty</i>	342.736.077.120	288.285.554.130
<i>Chi nhánh Phú Yên</i>	140.674.819.220	161.723.790.600
<i>Chi nhánh DakLak</i>	546.076.956.025	336.570.841.364
- Công ty mua bao bì luân chuyển	3.534.176.480	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.415.247.680	-
<i>Chi nhánh Phú Yên</i>	506.457.600	-
<i>Chi nhánh DakLak</i>	1.612.471.200	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Chi phí lãi vay (tại Chi nhánh DakLak)	-	368.544.667
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco		
Công ty cung cấp dịch vụ hỗ trợ nhân công đại tu hai máy nén khí	10.000.000	-
Công ty Cổ phần In và Thương Mại Phú Yên		
- Công ty đặt in nhãn bia	1.285.085.500	-
- Công ty nhận cổ tức	-	55.562.155

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải thu	25.294.386.507	12.161.515.600
Công ty SATRACO	25.234.386.507	12.125.515.600
<i>Văn phòng Công ty</i>	7.634.721.600	6.122.989.400
<i>Chi nhánh Phú Yên</i>	2.032.245.787	81.950.000
<i>Chi nhánh DakLak</i>	15.567.419.120	5.920.576.200
Tổng Công ty SABECO	60.000.000	36.000.000
<i>Phải thu cổ tức Sabeco</i>	60.000.000	36.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải trả	24.287.923.026	28.066.796.360
Tổng Công ty SABECO	24.146.555.426	28.066.796.360
<i>Văn phòng Công ty</i>	2.771.153.174	8.104.426.784
<i>Chi nhánh Phú Yên</i>	2.811.307.152	1.649.273.479
<i>Chi nhánh DakLak</i>	18.564.095.100	18.313.096.097
Công ty Cổ phần In và Thương Mại Phú Yên	141.367.600	-
Giá trị bảo bì luân chuyển nhận giữ hộ	15.719.600	15.719.600
Tổng Công ty SABECO	15.719.600	15.719.600

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm nay và các năm trước của Công ty.

Quy Nhơn, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Dương Đình Hòa
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Triêm
Tổng Giám đốc